

Mật Tạng Bộ 1 _ No.853 (Tr. 151_ Tr.158)

KINH ĐẠI TỖ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT THẦN BIẾN GIA TRÌ
LIÊN HOA THAI TẠNG BỒ ĐỀ TRÀNG TIÊU XÍ
PHỔ THÔNG CHÂN NGÔN TẠNG
QUẢNG ĐẠI THÀNH TỰU DU GIÀ
QUYỂN TRUNG

Hán dịch: Chùa Thanh Long_ Sa Môn PHÁP TOÀN tập
Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Bảy giờ **Bạc Già Phạm**
Bảo **Kim Cương Thủ** rằng
Có **Biến Nhất Thiết Xứ**
Thậm Thâm Bí Pháp Môn
Người trụ **Tự Môn** này
Sự nghiệp mau thành tựu
Mão báu nâng tay Ấn (Ngũ Cổ)
Thân hành Luân bày chữ
Tam Tinh, huyệt, tim, rốn
Chữ A (A) đến **Sa Hạ** (SVĀHĀ)
Chuyển phải xoay nối tiếp
Hạnh Quả đầu (sơ hạnh quả) viên tịch
Phương tiện tất cả xứ
Ngoài thân như lửa sáng
Nhóm Y mười hai chữ
Bày tán ngay bên ngoài

Năng mạc tâm mãn đa một đà nam _ A

𑖦𑖮𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑗀𑖿𑗁

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ A

Năng mạc tâm mãn đa một đà nam _ Sa

𑖦𑖮𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑗀𑖿𑗁𑗂

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ SA

Năng mạc tâm mãn đa phộc nhật-la noãn_ Phộc

𑖦𑖮𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑗀𑖿𑗁𑗂𑗃𑗄

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM_ VA

Ca khư nga già, (ngưỡng) tả tha nhạ

𑖦𑖮𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑗀𑖿𑗁𑗂𑗃𑗄𑗅𑗆𑗇

KA KHA GA GHA_ CA CCHA JA JHA

Toãn (nhưỡng) tra tra, noa đồ noa, đa (tha) ná đà (nưỡng)

𑖦𑖮𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑗀𑖿𑗁𑗂𑗃𑗄𑗅𑗆𑗇𑗈𑗉𑗊

NĀ ÑĀ ṬA ṬHA_ ṆA ḌA ḌHA_ TA THA DA DHA NA

bả pha ma bà (mãng) dā la la, phộc
𑖇𑖃𑖆𑖂𑖆𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅
PA PHA BA BHA_MA YA RA LA VA

xả sái , sa hạ , cật-sái
𑖇𑖃𑖆𑖂𑖆𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅
ŚA ŚA SA HA
(Chuyên thứ nhất, hô cao tiếng)

Nã mạng tâm mãn đa một đà nam _ A
𑖇𑖃𑖆𑖂𑖆𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅
)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_Ā

Nã mạng tâm mãn đa một đà nam _ Sa
𑖇𑖃𑖆𑖂𑖆𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅
)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_SĀ

Nã mạng tâm mãn đa phộc nhật-la noãn_ Phộc
𑖇𑖃𑖆𑖂𑖆𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅
)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_VĀ

Ca khư nga già, (ngưỡng) tả tha nhạ
𑖇𑖃𑖆𑖂𑖆𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅
KĀ KHĀ GĀ GHĀ_CĀ CCHĀ JĀ JHĀ

Toãn (nhuỡng) tra tra, noa đồ noa, đa tha ná đà (nặng)
𑖇𑖃𑖆𑖂𑖆𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅
NĀ NĀ ṬĀ ṬHĀ_NĀ ḌĀ ḌHĀ_TĀ THĀ DĀ DHĀ NĀ

bả pha ma bà (mãng) dā la la, phộc
𑖇𑖃𑖆𑖂𑖆𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅
PĀ PHĀ BĀ BHĀ_MĀ YĀ RĀ LĀ VĀ

xả sái , sa hạ , cật-sái
𑖇𑖃𑖆𑖂𑖆𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅
ŚĀ ŚĀ SĀ HĀ
(Tiếp tiếng dẫn hô dài)

Nã mạng tâm mãn đa một đà nam _ Âm
𑖇𑖃𑖆𑖂𑖆𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅
)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_AM

Nã mạng tâm mãn đa một đà nam _ Tầm
𑖇𑖃𑖆𑖂𑖆𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅
)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_SAM

Năng mạc tảm mãn đa phộc nhật-la noãn_ Noan

𑖧𑖦:𑖦𑖦 𑖧 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VAM

Kiểm khiếm nghiễm kiệm , chiêm (chiêm) xiêm nghiễm

𑖧𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦

KAM KHAM GAM GHAM_ CAM CCHAM JAM JHAM

Chiêm chiêm (siêm) siêm nam trạm nam đạm tham nam đạm (nam)

𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦

NAM NĀM ṬAM ṬHAM_ NAM ḌAM ḌHAM_ TAM THAM DAM
DHAM NAM

Biêm phiêm sưởng phần (noan) diêm lam lam noan

𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦

PAM PHAM BAM BHAM_ YAM RAM LAM VAM MAM

Đàm sam tham hạm, cật-sam

𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦

SAM ṢAM SAM HAM

(*Chữ bên miệng áy đều mang âm gốc của chuyển thứ nhất mà hô*)

_Năng mạc tảm mãn đa một đà nam _Ác

𑖧𑖦:𑖦𑖦 𑖧 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AḤ

Năng mạc tảm mãn đa một đà nam _ Sách

𑖧𑖦:𑖦𑖦 𑖧 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ SAḤ

Năng mạc tảm mãn đa phộc nhật-la noãn_ Phộc

𑖧𑖦:𑖦𑖦 𑖧 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VAḤ

Cược khước ngược cươc (ngược) chươc xươc nhươc

𑖧𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦

KAḤ KHAḤ GAḤ GHĀḤ_ CAḤ CCHAḤ JAḤ JHAḤ

Tiêu (nhược) trách sách nạch trạch (nạch) đăn thác nặc đạc (nặc)

𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦

ṆAḤ NĀḤ ṬAḤ ṬHAḤ_ ṆAḤ ḌAḤ ḌHAḤ_ TAḤ THAḤ DAḤ DHAḤ
NAḤ

Bác bạc mạc bạc mạc dược lạc lạc phộc

𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦

PAḤ PHAḤ BAḤ BHAḤ_ YAḤ RAḤ LAḤ VAḤ MAḤ

thước sách tác hoắc, cật-xoa

𑀓𑀫𑀢𑀺𑀩𑀸𑀫𑀺𑀩𑀺

ŚAḤ ŚAḤ SAḤ HAḤ

(Hô tiếng đều vào)

Y ái ỏ ô lý lý lý lý ế ái ó áo

ॐ𑀓𑀫𑀢𑀺𑀩𑀸𑀫𑀺𑀩𑀺𑀒𑀓𑀫𑀢𑀺𑀩𑀸𑀫𑀺𑀩𑀺𑀒𑀓𑀫𑀢𑀺𑀩𑀸𑀫𑀺𑀩𑀺𑀒𑀓𑀫𑀢𑀺𑀩𑀸𑀫𑀺𑀩𑀺

*) I Ī _ U Ū _ Ṛ Ṝ _ Ḷ Ḹ _ E AI _ O AU

Bồ Đề Tâm Tam Muội Cú Chân Ngôn là:

“**Nặng** mạc tam mạn đa một đà nam _ Mạo địa _ A_ **Ngưỡng** nhượng noa
nặng măng, sa-phộc hạ”

𑀓𑀫𑀢𑀺𑀩𑀸𑀫𑀺𑀩𑀺𑀒𑀓𑀫𑀢𑀺𑀩𑀸𑀫𑀺𑀩𑀺𑀒𑀓𑀫𑀢𑀺𑀩𑀸𑀫𑀺𑀩𑀺𑀒𑀓𑀫𑀢𑀺𑀩𑀸𑀫𑀺𑀩𑀺𑀒𑀓𑀫𑀢𑀺𑀩𑀸𑀫𑀺𑀩𑀺𑀒𑀓𑀫𑀢𑀺𑀩𑀸𑀫𑀺𑀩𑀺𑀒𑀓𑀫𑀢𑀺𑀩𑀸𑀫𑀺𑀩𑀺

*) NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ BODHI_ A_ ṆA ṆA ṆA ṆA
MA _SVĀHĀ

Bồ Đề Hạnh Phát Tuệ Chân Ngôn là:

“**Nặng** mạc tam mãn đa một đà nam _ Tả lý-dã, A_ **Ngang** nhượng ninh
nang mang, sa-phộc hạ”

𑀓𑀫𑀢𑀺𑀩𑀸𑀫𑀺𑀩𑀺𑀒𑀓𑀫𑀢𑀺𑀩𑀸𑀫𑀺𑀩𑀺𑀒𑀓𑀫𑀢𑀺𑀩𑀸𑀫𑀺𑀩𑀺𑀒𑀓𑀫𑀢𑀺𑀩𑀸𑀫𑀺𑀩𑀺𑀒𑀓𑀫𑀢𑀺𑀩𑀸𑀫𑀺𑀩𑀺𑀒𑀓𑀫𑀢𑀺𑀩𑀸𑀫𑀺𑀩𑀺

*) NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ CARYĀ_ Ā_ ṆĀ ṆĀ ṆĀ ṆĀ
MĀ _SVĀHĀ

Thành Bồ Đề Bồ Khuyết Chân Ngôn là:

“**Nặng** mạc tam mãn đa một đà nam _ Tam mạo đà_ **Ám** Nghiêm **niêm**
nam nam hām, sa-phộc hạ”

𑀓𑀫𑀢𑀺𑀩𑀸𑀫𑀺𑀩𑀺𑀒𑀓𑀫𑀢𑀺𑀩𑀸𑀫𑀺𑀩𑀺𑀒𑀓𑀫𑀢𑀺𑀩𑀸𑀫𑀺𑀩𑀺𑀒𑀓𑀫𑀢𑀺𑀩𑀸𑀫𑀺𑀩𑀺𑀒𑀓𑀫𑀢𑀺𑀩𑀸𑀫𑀺𑀩𑀺𑀒𑀓𑀫𑀢𑀺𑀩𑀸𑀫𑀺𑀩𑀺

*) NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ SAMBODHI_ AM_ ṆAM ṆAM
ṆAM ṆAM MAM _SVĀHĀ

Tịch Tĩnh Niết Bàn Chân Ngôn là:

“**Nặng** mạc tam mãn đa một đà nam _ Niết la-phộc noa_ **Ác** **Ngược** **nhược**
nạch **nặc** **mặc**, sa-phộc hạ”

𑀓𑀫𑀢𑀺𑀩𑀸𑀫𑀺𑀩𑀺𑀒𑀓𑀫𑀢𑀺𑀩𑀸𑀫𑀺𑀩𑀺𑀒𑀓𑀫𑀢𑀺𑀩𑀸𑀫𑀺𑀩𑀺𑀒𑀓𑀫𑀢𑀺𑀩𑀸𑀫𑀺𑀩𑀺𑀒𑀓𑀫𑀢𑀺𑀩𑀸𑀫𑀺𑀩𑀺𑀒𑀓𑀫𑀢𑀺𑀩𑀸𑀫𑀺𑀩𑀺

*) NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ NIRVĀṆA_ AḤ_ ṆAḤ ṆAḤ
NAḤ NAḤ MAḤ _SVĀHĀ

Bí Mật Chủ! **Tự Môn** như vậy là nơi Như Lai dùng Thần Lực gia trì. Nay Ta quán khắp các Cõi Phật, không nơi nào không thấy Pháp Môn **Biến Nhất Thiết Xứ** này. Các vị Như Lai ấy, không có ai không tuyên nói Pháp này. Người tu Hạnh Bồ Tát của Chân Ngôn Môn đối với Pháp Môn này nên siêng năng tu học. Từ khoảng đầu, khoảng giữa, khoảng cuối với sự tăng thêm của **Khả Già Tra Đa Ba** (KA CA TA DA BHA) dùng Phẩm loại Đăng Trì cùng nhập vào sẽ tự nhiên đắc được Bồ Đề Tâm Hạnh, Thành Đăng Chính Giác như Đại Nhật Như Lai mà chuyển bánh xe Pháp”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ Tam Muội **Đăng Chí** khởi, bảo Chấp Kim Cương Bí Mật Chủ rằng: “Này Thiện Nam Tử! Hãy lắng nghe về **Mạn Đà La Nội Tâm**. Thân Địa ấy tức là Tự Tính của Pháp Giới, Chân Ngôn, Mật Ấn gia trì mà gia trì. Vì

Bản Tính thanh tịnh cho nên Yết Ma Kim Cương đã hộ trì để tinh trừ tất cả bụi dơ, lỗi lầm tai hoạn của nhóm: **Ta, Người, Chúng Sinh, Thọ Giả**

Đàn vuông có bốn cửa thông đạt với bốn hướng có Giới Đạo vây chung quanh. Bên trong hiện **Ý Sinh Bát Diệp Đại Liên Hoa Vương** (hoa sen vua to lớn có 8 cánh do ý tưởng sinh ra) nảy sinh cuống sen, râu nhụy phát sáng nhiều màu đoan nghiêm màu nhiệm. Trong đó Đức Như Lai có Thân tốt tôn đặc biệt của tất cả Thế Gian vượt quá Địa của Thân Ngũ Ý đến nơi Địa của Tâm, mau chóng được Quả Thủ thắng đẹp ý.

Ở trên tám cánh sen có Bảo Tràng Như Lai, Khai Phu Hoa Vương Như Lai, Vô Lượng Thọ Như Lai, Cổ Âm Như Lai, Phổ Hiền, Diệu Cát Tường, Quán Âm, Từ Thị Tôn

Trong tất cả nhụy sen có Phật Bồ Tát Mẫu, sáu Ba La Mật Tam Muội, Quyển Thuộc tự trang nghiêm

Bên dưới an bày các Chúng Phần Nộ của hàng Trì Minh, Trì Kim Cương Bí Mật Chủ Bồ Tát dùng làm cuống sen ở trên cái biển lớn không cùng tận, tất cả hàng Địa Cư Thiên nhiều vô số lượng vây chung quanh.

Lúc đó, Hành Giả vì thành Tam Muội Gia cho nên tương ứng dùng Ý tưởng sinh ra Hương, hoa, đèn sáng, hương xoa, mọi loại thức ăn... tất cả đều dùng để dâng hiến.

Ưu Đà Na (Udana) là:

“Bậc Chân Ngôn chân thành

Tô vẽ Mạn Đồ La

Tự thân (thân của mình) làm Đại Ngã

Chữ La (𑖅 _ RA) tỉnh các như

An trụ Du Già Tọa

Tìm nhớ các Như Lai

Đỉnh trao các Đệ Tử

Chữ A điểm Đại Không (𑖅 _ AM)

Bậc Trí truyền Diệu Hoa

Khiến rải trên thân mình

Vì (Đệ Tử) nói Nội Sở Kiến (điều mà Thầy nhìn thấy trong Tâm)

Nơi Hành Nhân Tôn phụng

Đàn Trường tối thượng này

Ứng với Tam Muội Gia”

(Mạn Đồ La có ba lớp. Bên trong Kim Luân, thứ hai là ba vị trí ở chính giữa, Chữ **Ác** là lớp thứ ba. Màu vàng, trắng vàng tùy theo phương tiện ở tất cả nơi chốn)

_Bấy giờ, Trì Kim Cương Thủ vượt lên Địa Thân Ngũ Ý của Đại Nhật Thế Tôn, quán sát sự bình đẳng của Pháp, nghĩ nhớ Chúng Sinh đời vị lai, vì cắt đứt tất cả nghi, nên nói **Đại Chân Ngôn Vương** là (trụ Pháp Giới Bình Đẳng Quán)

“**Năng mạc tam mãn đa bột đà nam. A tam mang bát-đa** (Vô tận) **đạt ma đà đồ** (Pháp Giới) **nghiệt đẳng nghiệt đa nam** (Nghĩa siêu việt, Pháp Giới không cùng tận) **Tát phộc đà** (Tất cả) **ám khiêm** (Không, hư không) **ám ác** (Địa, đất) **tám sách hàm** (Phong Luân) **hạc lam** (Hỏa Luân) **lạc noan** (Thủy Luân) **phộc sa-phộc hạ** (Chân Ngôn của 3 Đạo) **Hồng, lam lạc** (đây là Thân Chân Ngôn) **ha-la hạc, sa-phộc hạ** (Đây là Ngữ Chân Ngôn) **Lam lạc** (đây là Ý Chân Ngôn) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ ASAMAPTA DHARMA-DHĀTU
GATI GATĀNĀM_ SARVATHĀ: ĀṀ KHAM_ AM_ AḤ_ SAM_ SAḤ_ HAM_
HAḤ_ RAM_ RAḤ_ VAM_ VAḤ_ SVĀHĀ _ HŪM_ RAM_ RAḤ_ HRA_ HAḤ_
SVĀHĀ _ RAM_ RAḤ_ SVĀHĀ

Bây giờ, Đức Tỳ Lô Giá Na Thế Tôn lại quán sát các Đại Chúng Hội, rồi bảo Cháp Kim Cương Bí Mật Chủ rằng: :Này Phật Tử! Có 8 Ấn Bí Mật, là điều cực kỳ bí mật, là nơi tương đồng với uy thần của Địa Vị Thánh Thiên, ở ngay Đạo Chân Ngôn dùng làm vật biểu tượng. Vẽ Man Đồ La ấy như sự tương ứng của Bản Tôn. Nếu y theo Pháp Giáo, đối với các Bồ Tát tu hạnh Bồ Tát trong Chân Ngôn Môn nên biết như vậy: Tự Thân trụ vào Hình của Bản Tôn bền chắc chẳng động. Biết Bản Tôn rồi lại an trụ như Bản Tôn mà được Tất Địa.

Thế nào là tám Ấn?

Bảo Tràng ánh mặt trời

Tam giác đủ hào quang

Liên Hợp (Liên Hoa Hợp Chương) bung Địa (ngón út) Phong (ngón trở)



Khai Phu màu vàng trong

Ánh Kim Cương chữ **Phộc** (ꣳ_VA)

Co Phong Luân (ngón trở) tại Không (ngón cái)



Di Đà màu vàng ròng

Sen hồng (Ba Đầu: Padma) vây vành trắng

Hoa sen đẹp hé nở



Cổ Âm Mạn Đồ La

Bán nguyệt (nửa vành trắng) điểm Không vây

Hai Địa (2 ngón út) vào trắng đầy (lòng bàn tay)



Phổ Hiền Mạn Đà La

Trắng đầy, Kim Cương vây

Liên Hoa (Liên Hoa Hợp Chương) dựng hai Không (2 ngón cái)



Quán Âm màu pha lê

Cầu vòng, phương Kim Cương

Dựa trước co Hỏa Luân (ngón giữa) [như móc câu chung lưng]



Văn Thù màu vàng nghệ (Uất Kim)

Hư không đủ màu vây

Sen xanh mở Hỏa Luân (ngón giữa)



Từ Thị màu vàng rực (hoàng kim)

Hư Không dựng điểm xanh

Kim Cương Chương xoay chuyển (Tâm lòng bàn tay cùng dính nhau)



Sinh mọi **Tam Muội Vương**
Già Gia Ca Diệp, Ưu
Luu Tàn Loa Ca Diệp

Tiếp ở góc Bắc ấy
Đạo Sư chư Phật Mẫu
Màu vàng rờn rục rờ
Mặc áo the lụa trắng
Chiếu khắp như mặt trời
Chính Thọ trụ Tam Muội

Tiếp đến **Thất Câu Chi**
Phật Mẫu Bồ Tát đẳng

Lại ở phương Nam ấy
Đại Dũng Mãnh Bồ Tát
Đại An Lạc Bất Không
Kim Cương Tam Muội Bảo
Các Bồ Tát cứu đời
Đại Đức Thánh Tôn Ân
Hiệu là **Mãn Chứng Nguyệt**
Chân Đà Ma Ni Châu
Trụ trên hoa sen trắng

Nhất Thiết Phật Tâm Chân Ngôn là (Phổ Ân)

“**N**ăng mạc tam mạn đa một đà nam (1) **Á**m, tát phộc một đà mạo địa tát đát-phộc (2) hột-ly nại dã (3) nễ-dã phệ xa nễ (4) **n**ăng mạc tát phộc vĩ nê (5) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमस्तबुद्धेभ्यो नमःसर्वबुद्धेभ्यो नमःसर्वविभूतेभ्यो नमःसर्वैकान्तिक्ये नमःसर्वभूतेभ्यो नमःसर्वलोकेश्वरेभ्यो नमःसर्वभूतेभ्यो नमःसर्वभूतेभ्यो नमः

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM AM SARVA BUDDHĀ BODHI-SATVA HRDAYAM NYĀVEŚANĪ _ NAMAḤ SARVA VIDE SVĀHĀ

Hư Không Nhân Minh Phi Chân Ngôn là [Tên gọi là **Nga Nga Năng Lô Tả Năng** (Gagana locana) như Phật Đỉnh Ân]

“**N**ăng mạc tam mạn đa một đà nam_ **n**ghiệm (1) **n**ga nga **n**ăng, phộc la (Nguyệt) **l**ạc **c**ật-xoa (tướng) nễ (2) **n**ga nga **n**ăng (hư không) **t**am mê (đẳng) **đ**uệ (3) **t**át **p**hộc **đ**ồ (tát cả nơi chốn) **ô**t-nghiệt đa (không thể so sánh)(4) **t**ỳ sa la (bền chắc chẳng thể hoại) **t**am bà **p**hệ (sinh theo) (5) **n**hập-phộc la (Quang, ánh sáng nóng) **n**a mục già nan (bất không) (6) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमस्तबुद्धेभ्यो नमःसर्वविभूतेभ्यो नमःसर्वैकान्तिक्ये नमःसर्वभूतेभ्यो नमःसर्वलोकेश्वरेभ्यो नमःसर्वभूतेभ्यो नमःसर्वभूतेभ्यो नमः

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM GAM GAGANA VARA LAKṢAṆE _ GAGANA-SAMAYE _ SARVĀTA UDGATA ABHISĀRA SAMBHAVE JVALANA AMOGHĀNĀM SVĀHĀ

Nhất Thiết Bồ Tát Chân Ngôn là: (Phổ Ân)

“**Năng mặc tâm mãn đa một đà nam (1) tát phộc tha (tất cả) (2) vĩ ma đế** (không có Tuệ, dùng không có Tuệ nên gọi là Si) **(3) vĩ chỉ la ninh (trừ bỏ)(4) đạt la-ma đà đố (Pháp Gioi) niết tá đa (sinh)(5) tham tham ha (6) sa-phộc hạ**”

ॐ नमोऽस्तुते सर्वथा विमति विकिराण धर्मा-धृत निरजात सम सम ह्य स्वहा ॐ

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM KA SARVATHĀ VIMATI VIKIRANA DHARMA-DHĀTU NIRJATA SAM SAM HĀ SVĀHĀ

Phương Bắc, Quán Tự Tại

Bí Mật Mạn Đà La

Phật Tử nhất tâm nghe

Phổ biến Tướng mười phương

Giữa (chính giữa) Cát Tường Thương Khư

Sinh ra hoa Bát Đàm

Hé nở đầy quả trái

Nương nhờ **Ấn Đại Liên**

Hào quang như trăng trong

Thương Khư, Quân Na Hoa (loài hoa có màu trắng tươi)

Mím cười ngời sen trắng

Tóc hiện **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus)

Trụ **Phổ Quán Tam Muội**

Quyển thuộc Liên Hoa Bộ

Cực Tây, thứ nhất bày

Mã Đầu Quán Tự Tại Bồ Tát

Đại Minh Bạch Thân Quán Tự Tại Bồ Tát

Đa La Quán Tự Tại Bồ Tát

Quán Tự Tại Bồ Tát

Tỳ Câu Chi Bồ Tát

Đại Thế Chí Bồ Tát

Liên Hoa Bộ Phát Sinh Bồ Tát

Thứ hai: **Tịch Lưu Minh Bồ Tát**

Đại Cát Tường Minh Bồ Tát

Đại Cát Tường Đại Minh Bồ Tát

Như Ý Luân Bồ Tát

Gia Du Đà La Bồ Tát

Tốt Đồ Ba Đại Cát Tường Bồ Tát

Đại Tùy Cầu Bồ Tát

Tiếp Bạch Xứ Tôn Bồ Tát

Đại Cát Biển Bồ Tát

Thủy Cát Tường Bồ Tát

Bất Không Quyển Sách Bồ Tát

Phong Tài Bồ Tát

Bạch Thân Quán Thế Âm Bồ Tát

Bị Diệp Y Bồ Tát

Liên Hoa Đẳng, Đồ Hương

Bốn Nhiếp, Nội Cúng Dường

Liên Hoa Sứ, các quyển thuộc

Đồ chúng nhiều như bụi nhỏ của cõi Phật
Bên phải **Đại Danh Xưng**
Thánh Giả Đa La Tôn
Màu xanh trắng pha tạp
Dạng người nữ trung niên
Chấp tay cầm sen xanh
Hào quang tròn chẳng đổi
Phát sáng như vàng sạch
Mím cười, áo trắng tinh
Nội Phộc dựng Không (ngón cái) Phong (ngón trỏ)



Bên trái, **Tỳ Câu Chi**
Rũ tay cầm tràng hạt
Ba mắt giữ búi tóc
Tôn hình màu trắng tinh
Màu hào quang không chủ
Trắng vàng đỏ hòa nhập
Ấn trước, giao Phong (ngón trỏ) Hỏa (ngón giữa) [giao 2 ngón trỏ]



Tiếp gần **Tỳ Câu Chi**
Vê Đắc Đại Thế Tôn
Quần áo màu Thương Khư
Tay Hoa sen Đại Bi
Tốt tươi chưa hé nở
Hào quang tròn vây quanh
Minh Phi trụ bên cạnh
Hiệu Trì Danh Xưng Giả
Tất cả diệu anh lạc
Trang nghiêm thân màu vàng
Cầm cành hoa tươi đẹp
Tả (tay trái) cầm Bát Dận Ngô (loài hoa ở phương Tây có màu vàng nhạt)
Mặt Ấn như Minh Vương
Nâng lên co Phong Luân (ngón trỏ)

Gần Thánh Giả Đa La
Trú ở **Bạch Xứ Tôn**
Mão tóc đều trắng đẹp

नमःसम्यक् बुद्धाय च नमः तत्रैतन्निष्कृतं सत्त्वं च श्रुत्वा त्रिसृषुः

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ PAM_ TATHĀGATA-VIṢAYA SAMBHAVE PADMA-MĀLINI SVĀHĀ

“**Mã Đầu Minh Vương Chân Ngôn** là: [Hạ dã ngật-ly phộc (Hayagrīva) ăn nuốt hết vô minh, các chướng]

Năng mặc tam mạn đa một đà nam (1) ham (chúng tử) **hông** (khủng bố) **khur na dã** (ăn nuốt các chướng) **bạn nhạ** (đánh phá) **(2) tát-phả tra dã** (phá vỡ khiến hết) **(3) sa-phộc hạ”**

नमःसम्यक् बुद्धाय च नमः ह्येवमेतन्निष्कृतं सत्त्वं च श्रुत्वा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HAM_ HŪM_ KHADAYA BHAMJA SPHAṬYA SVĀHĀ

_Chư Bồ Tát Sở Thuyết Chân Ngôn là: (Minh trụ tại đây, tên là **Dã Thỏ Cật-Đa Mạo Địa Tát Đát-Phộc**)

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam, cật-xoa noa đa la, diêm kiếm”**

नमःसम्यक् बुद्धाय च नमः क्श्रुत्वा यत्तन्निष्कृतं सत्त्वं च श्रुत्वा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ KṢAḤ ḌATARA YAṀ KAṀ

_Địa Tạng Chân Ngôn là:

“**Năng mặc tam mãn đa một đà nam. Ha ha ha** (Ba Nhân là: Nhân của Thang Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. Phạm các Chân Ngôn tự nói Đức của Bản Tôn. Đây là tổng mọi Đức của Địa Tạng Bồ Tát) **tổ đát nỏ** (Diệu Sắc Thân. Vì tự thân cực tịnh nên gọi là Diệu Sắc Thân, tức Pháp Thân vậy) **sa-phộc hạ”**

नमःसम्यक् बुद्धाय च नमः ह्येवमेतन्निष्कृतं सत्त्वं च श्रुत्वा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HA HA HA SUTANU SVĀHĀ

_Chư Phụng Giáo Giả Chân Ngôn là:[Tên gọi là **Chỉ Ca La** (Kiraṇa)]

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Địa, thất-ly, ham, một-lam, sa-phộc hạ”**

नमःसम्यक् बुद्धाय च नमः धि श्री ह्येवमेतन्निष्कृतं सत्त्वं च श्रुत्वा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ DHI ŚRĪ HA BRAM

_Phật Tử! Hãy lắng nghe

Tiếp Đông, Viện thứ ba

Thí Nguyện Kim Cương Đàn

Cùng quán khắp bốn phương

Án Kim Cương hộ vệ

Nên ở chính giữa làm

Hỏa Sinh Mạn Đồ La

Trong tim lại an trí

Hoa sen xanh diêu thiên

Trí Giả Mạn Thù Âm (Mañju-ghoṣa)

Bản Chân Ngôn vây bọc

Như Pháp bày Chúng Tử

Mà dùng làm Chúng Tử

Lại ở bốn phương bàng

Dùng sen xanh nghiêm sức

Vẽ làm Chúng **Cần Dũng**
Trước an **Diệu Cát Tường** (Mañju-srī)
Thân hình màu uất Kim (màu vàng nghệ)
Đỉnh đội mào Ngũ Kế (5 búi tóc)
Giống như hình **Đồng Tử**
Tay trái cầm sen xanh
Trên hiển **Án Kim Cương**
Mặt hiền từ mỉm cười
Ngồi trên hoa sen trắng
Diệu tướng, hào quang tròn
Ánh sáng trợ chung quanh
Mà trụ **Phật Gia Trì**
Thần Lực Tam Muội Vương
Với vô lượng quyền thuộc

Quán Tự Tại, Phổ Hiền
Đối diện Hộ đối Hộ
Nhạ Dã, Vĩ Nhạ Dã
Đồng Mẫu Lỗ, Nhĩ Đa
A Ba La Nhĩ Đa

Bắc (phía Bắc) **Quang Vãng Bồ Tát**
Bảo Quan Bồ Tát
Vô Cấu Quang Bồ Tát
Nguyệt Quang Bồ Tát
Ngũ Kế Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát

Vành trắng cửa Nam
Ô Ba Kế Thất Nễ Bồ Tát
Phụng Giáo Bồ Tát
Hai **Sứ Giả** của Văn Thù
Câu Triệu, bốn **Phụng Giáo**
Thanh Liên Hư Tâm Hợp
Hỏa Luân (ngón giữa) giữ lưng Thủy (ngón vô danh)
Hai Phong (2 ngón trỏ) vịn Không Giáp (móng ngón cái)

Hữu (bên phải) **Quang Vãng Bồ Tát**
Cầm giữ mọi lưới báu
Mọi loại **Diệu Anh Lạc**
Trụ tòa hoa sen báu
Mà quán **Phật Trưởng Tử** (con trưởng của Đức Phật)
Định Quyền (Quyền trái) cầm Câu Ấn
Bảo Luân (ngón cái) vịn giữa Hỏa (ngón giữa)



Bảo Quan cầm Ấn báu

Hữu Liên (hoa sen bên phải) **Vô Cấu Quang**

Hoa sen xanh chưa nở

Duỗi Ấn trước hơi co (như ánh sáng của thân Phật)



Kê Thiết Nễ cầm đao

Tuệ Quyền (quyền phải) dựng Phong (ngón trỏ) Hỏa (ngón giữa) [Không (ngón cái) đè móng Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh) như thế Nghĩ]

Ô Ba Kê Thiết Nễ

Quyền trước, Hỏa Luân (ngón giữa) đâm [Không (ngón cái) đè móng Phong (ngón trỏ) Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh)]



Địa Tuệ giữ Tràng Ấn

Định Quyền (quyền trái) dựng Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh) [Không (ngón cái) đè Phong (ngón trỏ) Hỏa(ngón giữa)]



Chất Đa La Đồng Tử

Hữu Quyền (quyền Phải) Phong Luân (ngón trỏ) Trượng (dựng như cây gậy)

Triệu Thỉnh Phong (ngón trỏ) làm câu (móc câu) [Ngoại Quyền]



*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ JAM_ HE HE KUMĀRA
MĀYĀ-GATA_ SVABHĀVA STHITA_ SVĀHĀ

Vô Cầu Quang Bồ Tát Chân Ngôn là: (mọi loại Vô Biên Hạnh, cũng hiện mọi loại hình khác lạ)

“**Năng mặc tâm mãn đa một đà nam (1) hệ củ mang la (2) vĩ chất đát-la** (mọi loại) **nghiệt đế** (Hạnh) **củ mang la (3) ma nỗ sa-ma la** (nhớ lại Sở Nguyên) **(4) sa-phộc hạ**”

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं वृ ह्रीं नमः कुरु मया ॥ नमः कुरु मया ॥ नमः कुरु मया ॥ नमः कुरु मया ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HE KUMĀRA_ VICITRA
GATI_ KUMĀRAM-ANUSMARA_ SVĀHĀ

Kế Thiết Ni Chân Ngôn là: (tên là Kế Thiết Ninh)

Năng mặc tâm mạn đa một đà nam (1) chỉ-ly (chủng tử) **hệ hệ** (hô triệu) **củ mang lý kế** (Đồng Tử dùng tiếng người nữ để hô) **(2) na gia** (Dữ Nguyên) **nhuống-nan** (Trí) **sa-ma la** (nhớ điều xưa kia) **(3) bát-la để nhiên** (Bản Nguyên, ý nói là Tôn Giả ở chỗ của Văn Thù đã được Thắng Nguyên trao cho Ta) **(4) sa-phộc hạ**”

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं वृ ह्रीं नमः कुरु मया ॥ नमः कुरु मया ॥ नमः कुरु मया ॥ नमः कुरु मया ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ KILI_ HE HE KUMĀRIKE
DAYĀJÑĀNĀM_ SMARA SMARA _ PRATIÑĀM_ SVĀHĀ

Ô Ba Kế Thiết Nễ Chân Ngôn là: (tên là Ô Ba Kế Thủy Ninh, dùng Trí quán xuyên Vô Trí)

“**Năng mặc tâm mạn đa một đà nam. Nễ-ly** (chủng tử) **tần na dã** (xuyên qua) **nhuống nan** (Trí. Câu trước có thanh A cùng nối liền tức là **Vô Trí**. Nói xong Diệu Tuệ xuyên qua Vô Trí đạt nơi Thật Lý) **hệ củ mang lý kế** (Đồng Nữ, nghĩa của Tam Muội. Dùng tiếng của người nữ ma hô triệu) **sa-phộc hạ**”

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं वृ ह्रीं नमः कुरु मया ॥ नमः कुरु मया ॥ नमः कुरु मया ॥ नमः कुरु मया ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ DILI_ BHINDHAYA
AJÑĀNĀM_ HE KUMĀRIKE_ SVĀHĀ

Địa Tuệ Bồ Tát Chân Ngôn là (tên là Phộc Tô Ma Đế, cũng gọi là Tài Tuệ, ghi nhớ cây phướng Như Ý)

“**Năng mặc tâm mãn đa một đà nam. Hứ-ly** (chủng tử) **hệ sa-ma la** (Ghi nhớ) **nhuống năng kế đồ** (cây phướng. Do cây phướng Diệu Tuệ này nên tôi phá các Ma. Nay nên ghi nhớ khiến cho Ta cũng vậy) **sa-phộc hạ**”

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं वृ ह्रीं नमः कुरु मया ॥ नमः कुरु मया ॥ नमः कुरु मया ॥ नमः कुरु मया ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HILI_ HE SMARA JÑĀNA-
KETU_ SVĀHĀ

Chất Đát La Đồng Tử Chân Ngôn là: (hoặc có Bản ghi là: Chất Đa Nhĩ Lý)

“**Năng mặc tâm mạn đa một đà nam. Nhĩ lý, sa-phộc hạ**”

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं वृ ह्रीं नमः कुरु मया ॥ नमः कुरु मया ॥ नमः कुरु मया ॥ नमः कुरु मया ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ MILI_ SVĀHĀ

Triệu Thỉnh Đồng Tử Chân Ngôn là: (Nhân câu dẫn đến Bồ Đề)

“**Năng mặc tâm mạn đa một đà nam. A ca la-sái dã** (Chiêu Triệu. Triệu thính, nhiếp triệu đều là nghĩa câu móc đến) **tát noan củ lỗ** (Tất cả việc làm, lấy Dữ Đẳng đều là vì **Sở Chỉ** của Tôn Giả Văn Thù trao cho việc, đều nên làm) **a nhiên củ mang la** (thân của Thánh Giả) **tả, sa-phộc hạ**”

ॐ नमोऽस्तुते सर्वभूतहिते रतः ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM__ AKARṢAYA SARVA KURU AJÑĀM KUMĀRASYA_ SVĀHĀ

_ **Bất Tư Nghị Đông Tử Chân Ngôn** là: (Thị hiện hình Phần Nộ, mãn nguyện phụng trì Giáo, chẳng thành khiến cho thành tựu)

“**Năng mặc tâm mạn đa một đà nam. A, vĩ sa-ma dã ninh duệ, sa-phộc hạ**”

ॐ नमोऽस्तुते सर्वभूतहिते रतः ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AḤ VISMAYA NĪYE _ SVĀHĀ

_Hành Giả ở Tả Phương (phương bên trái)

Tiếp tác **Đại Danh Xưng**

Trừ Nhất Thiết Cái Chương

Chủng Tử đại tinh tiên

Là **Chân Đà Ma Ni**

Trụ ở trong Hỏa Luân

Thân đoan nghiêm theo hầu

Nên biết quyền thuộc ấy

Bi Mẫn Bồ Tát

Phá Ác Thú Bồ Tát

Thí Vô Úy Bồ Tát

Hiền Hộ Bồ Tát

Bất Tư Nghị Tuệ Bồ Tát

Từ Phát Sinh Bồ Tát

Chiết Chư Nhiệt Não Bồ Tát

Tiêu Chí của Bí Mật

Thứ tự nên an bày

Danh Xưng **Trừ Chương Tôn**

Trụ **Bi Lực Tam Muội**

Trí Phước (2 tay) Hư tâm hợp (Hư Tâm Hợp Chương)

Co Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh) Không (ngón cái) vào Nguyệt (lòng bàn tay) [Không (ngón cái) giữ giữa Thủy (ngón vô danh)]

Kèm hợp luân Phong (ngón trỏ) Hỏa (ngón giữa)

Như giữ ngọc Ma Ni



Tôn hữu (Tôn bên phải) **Trừ Nghi Quái**

Nội Phộc, dựng Hỏa Luân (ngón giữa)

Bình báu để Nhất Cổ



Thí Vô Úy Bồ Tát

Nâng Tuệ (tay phải) Thí Vô Úy



Trừ Nhất Thiết Ác Thú

Tương Ấn trước chưởng khác

Cứu Hộ Tuệ Bồ Tát

Bi Thủ (tay trái) nên tại tim



Đại Từ Sinh Bồ Tát

Tuệ Phong Không (ngón trở phải và ngón cái phải) cầm hoa (rải tán 3 lần)



Bi Tuyền Nhuận bên phải

Bi (tay trái) niệm ngay trên tim

Rũ co Hỏa Luân (ngón giữa) chỉ



Trừ Nhất Thiết Nhiệt Não

Rũ tác tay Thí Nguyên

Nước Cam Lộ tuôn chảy
Tại khắp các đầu ngón



Tiếp **Bát Tư Nghị Tuệ**

Dùng tay của Vô Uy
Không (ngón cái) Phong (ngón trỏ) dạng cầm châu (viên ngọc)
Bung nhóm Hỏa (ngón giữa) hơi co



Trừ Nhất Thiết Cái Chương Bồ Tát Chân Ngôn là: [Tát Phộc Nễ Phộc La Noa Vĩ Sái Kiếm Ty (Sarva nīrvaraṇa viśkaṃbhin) Bi của Pháp Tính, dùng sức tự tại hay trừ cái chương của tất cả chúng sinh, ở chương được tự tại]

“**Năng mặc tầm mạn đa một đà nam. A** (chủng tử) **tát đất-phộc** (hữu tình) **hệ đa** (lợi ích) **tệ ớt-nghiệt đa** (phát khởi, khởi sinh. Khai phát Tính Thiện ấy khiến chi hiển hiện) **đát-lam đát-lam** (**Đát** là chữ **Tứ Đa** có nghĩa là Như Như, **Lam** là nghĩa không đơ bản của chữ La, thêm một điểm là nghĩa của bụi tức là Đại Không chứng nhập vậy) **lam lam** (trừ bốn cầu. Một là Ái Kiến cầu, hai là Duyên Giác Cầu, ba là Thanh Văn cầu, bốn là Bồ Tát cầu. Ấy là trừ bốn Cầu vào địa vị thanh tịnh) **sa-phộc hạ**”

𑖀𑖐𑖔𑖕𑖖𑖗𑖘𑖙𑖚𑖛𑖜𑖝𑖞𑖟𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AḤ SATVA HĪTA
ABHYUDGATE_ TRAM TRAM, RAṂ RAṂ_ SVĀHĀ

Trừ Nghi Quái Bồ Tát Chân Ngôn là (Kiêu Đổ Hạt La, đây dịch là Trì Nghi Quái, hoặc nói là trừ cầu. Chúng Hữu có việc nghi ngờ chẳng thể quyết. Bồ Tát này liền đến mà cắt đứt lưới nghi ấy và làm Bát Thỉnh Hữu (người bạn chẳng thỉnh mời mà đến). Hiệu là **Câu Hạ Lý Năng**: Kautūhalah)

“**Năng mặc tầm mạn đa một đà nam. Ha sa nan** (chủng tử có ba chữ) **vĩ ma để** (không có Tuệ) **xế nặc ca** (chặt đứt. Chặt đứt Vô Tri khiến cho Trí Tuệ sinh, cũng là nghĩa Đoạn Hoại, quyết đoạn giống như nghĩa Năng Đoạn Kim Cương Bát Nhã) **sa-phộc hạ**”

𑖀𑖐𑖔𑖕𑖖𑖗𑖘𑖙𑖚𑖛𑖜𑖝𑖞𑖟𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HASANĀM VIMATI
CCHEDEKA_ SVĀHĀ

Thí Vô Úy Bồ Tát Chân Ngôn là (Tát Phộc Tát Đất-phộc Bà Diêm Na Na: Sarva Satva-abhayamda)

“**Năng mặc tầm mạn đa một đà nam. La sa nan** (chủng tử có ba chữ) **a bội diễn na na** (Vô Úy Thí. Dùng Pháp nào ban cho địa vị không sợ hãi, trụ chữ A lia nơi

tất cả sinh. Sỡ Nguyên của Tôn Giả đã mãn. Chúng ta chưa được Nguyên thì ban cho Ta với tất cả chúng sinh) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ RASANĀM_ ABHAYAMDADĀ_ SVĀHĀ

Trừ Nhất Thiết Ác Thú Bồ Tát Chân Ngôn là (Phạn là:Tát Phộc Bá Dã Nha Ha: Sarvāpāyahah

“**Năng mạt tâm mãn đa một đà nam. Đặc-mộng sa nan, a tỳ-suru đạt la nê** (nâng lên) **tát đát-phộc đà đôn** (Chúng Sinh Giới. Tất cả chúng sinh từ vô thủy bị vô minh che lấp nên thường ở trong ba nẻo ác. Tôn Giả đã được năm Lực, nguyện nâng nhắc khiến cho trong lành bay lên, khiến cho tất cả chúng sinh được ra khỏi ba cõi) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ DVĀSANAM_ ABHYUDDHARAṆI SATVA-DHĀTU_ SVĀHĀ

Cứu Hộ Tuệ Bồ Tát Chân Ngôn là (Bà Lý Đát-la Noa Xả Dã Ma Đê. Quyền trái an bên cạnh eo lưng, cũng gọi là Ai Mẫn Tuệ)

“**Năng mạt tâm mạn đa một đà nam. Vĩ sa ha nan** (chủng tử có bốn chữ) **hệ ma hạ ma hạ** (cái to lớn trong sự to lớn) **sa-ma la** (ghi nhớ) **bát-la đế nhiên** (Bản Nguyên nguyện trừ tất cả khổ cho nên có tên là Cứu Hộ Tuệ. Nay hô tên ấy khiến nhớ Bản Nguyên mà cứu hộ tất cả) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VIHASANAM_ HE MAHĀ MAHĀ_ SMARA PRATIÑĀM_ SVĀHĀ

Đại Từ Sinh Bồ Tát Chân Ngôn là: (Ma Hạ Mỗi Thương Lý-Dã Tỳ-Dụ ốt-nghiệt đa: Mahā-maitryābhyudgataḥ)

“**Năng mạt tâm mạn đa một đà nam. Xiểm** (chủng tử) **sa-phộc chế đố** (Tâm Nghĩa) **ốt-nghiệt đa** (Thượng sinh. Nói đây từ tâm của mình sinh ra, chẳng từ nơi khác sinh được cho nên gọi là Đại Từ, áyla từ tự tính thanh tịnh tâm sinh chẳng từ tâm của hát giống khác sinh nên gọi là Tự tâm sinh) **(2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ THAM_ SVA-CITTA UDGATA_ SVĀHĀ

Bi Tuyền Nhuận Bồ Tát Chân Ngôn là: [Ma Ha Ca Lỗ Noa Bát-La Nê Đa (Mahā-kāruṇa-mrditaḥ) cũng gọi là Đại Bi Tuyền Nhuận]

“**Năng mạt tam mạn đa một đà nam. Diệm** (chủng tử) **ca lỗ ninh** (Bi. Bồ Tát này hệ thuộc nơi Bi chẳng tự tại, thường vì Bi lôi kéo trừ tất cả Khổ) **một sái nê đa** (Nhớ. Bản Tôn nguyện cứu chúng sinh, nay nên nhớ Bản Nguyên cứu hộ chúng con) **Sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ YAM_ KĀRUṆA-MREDITA_ SVĀHĀ

Trừ Nhất Thiết Nhiệt Não Bồ Tát Chân Ngôn là (Tát Phộc Na Hạ Bát-La Xả Nhĩ Năng: Sarva dāha prasamina)

“**Năng mặc tâm mạn đa một đà nam. Ai** (chúng tử) **hệ phộc la na** (Dữ nguyện. Dùng Pháp lìa Nhân mà mãn tất cả Nguyện của chúng sinh) **phộc la bát-la bát đa** (trước tiên được. Trước tiên chẳng được ước nguyện thì làm sao trao cho Nhân ? Bồ Tát đã lập Thệ Nguyện, nay đã mãn tức, nay nhớ Bản Nguyện mà cho tất cả chúng sinh trừ các nhiệt não, hóa tất cả chúng sinh khiến thành Phật Đạo) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमःसमन्तबुद्धानाम् । हे वरदा वरदा । प्रपूजयेत् ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ Ī _ HE VARADA_ VARA PRĀPTA_ SVĀHĀ

Bất Tư Nghị Tuệ Bồ Tát Chân Ngôn là (A Tiến Đế Dã Ma Đề Ná Nan Đa: Acintya matidatta)

“**Năng mặc tâm mạn đa một đà nam. Ô** (chúng tử) **tát phộc xả** (tất cả Nguyện) **bát lý bố la ca** (Mãn. Ấy là mãn mọi loại Thắng Nguyện của tất cả chúng sinh giống như ngọc Như Ý) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमःसमन्तबुद्धानाम् । उरुसिंहसिंघ (सुखी) ॥ ॐ ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ Ū _ SARVĀŚAPARIPŪRAKA_ SVĀHĀ

Phương Bắc: Địa Tạng Tôn

Toà ngồi rất xảo nghiêm

Thân ở trong Thai lửa

Nhiều Báu trang nghiêm đất

Lụa, Đá trợ lẫn nhau

Bốn Báu làm hoa sen

Nơi Thánh Giả an trú

Kim Cương Bất Khả Hoại

Hành Cảnh Giới Tam Muội

Cùng với Đại Danh Xưng

Vô lượng các quyền thuộc

Nhật Quang Bồ Tát

Kiên Cố Thâm Tâm Bồ Tát

Và Trì Địa Bồ Tát

Bảo Thủ Bồ Tát

Bảo Quang Bồ Tát

Bảo Ấn Thủ Bồ Tát

Bất Không Kiên Bồ Tát

Trừ Nhất Thiết Ưu Minh

Bí Mật, trong kết Phộc (Nội Phộc)

Bung duỗi nơi Hòa Luân (ngón giữa)

Hai Không (2 ngón cái) giữ cạnh Phong (ngón trỏ)



Hữu (bên phải) quán **Bảo Xứ Tôn**

Tuệ (tay phải) bung Không (ngón cái) Phong (ngón trỏ) , bấu
Án Tam Cổ trên bấu



Bảo Chưởng ở trên bấu

Án **Nhất Cổ Kim Cương**

Tuệ Quyển (quyển phải) duỗi Thủy Luân (ngón vô danh) [Không (ngón cái) đè
ba ngón]



Trì Địa Hữu (bên phải) trên bấu

Hai tay **Kim Cương Án**



Bảo Án Thủ trên bấu

Án **Ngũ Cổ Kim Cương**



Kiên Cố Ý hữu (bên phải) bấu

Án **Yết Ma Kim Cương**

Định Tuệ (2 tay) Liên Hoa Hợp (Liên Hoa Hợp Chưởng)

Kèm Không (ngón cái) hơi nâng mở



Địa Tạng Bồ Tát Chân Ngôn là: (Vĩ Tát Phộc Xả Bát Lý Bồ La Ca :Viśva sāparipūṛaka)

“**Năng mạc tam mãn đa một đà nam. Ha Ha Ha** (Ba Nhân, ấy là Nhân của ba Thừa) **vĩ sa-ma duệ** (hiếm có. Tất cả hữu tình thường có mọi loại phiền não của ngã tướng , nếu vừa niệm Chân Ngôn thì Ngã Tướng liền trừ. Đây là việc hiếm có cũng rất kỳ lạ vậy) **sa-phộc hạ”**

ॐ ॒ सु ॑ म म ॒ म म ॒ व ॒ व ॒ न ॒ म ॒ न ॒ न ॒ न ॒ न ॒ (ॐ ॒ म ॒ म ॒ म ॒ म ॒ म ॒ म ॒ न ॒)

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HA HA HA VISMAYE_ SVĀHĀ

Bảo Xứ Bồ Tát Chân Ngôn là (La Đất-Năng Ca La: Ratna-kāra)

“**Năng mạc tam mạn đa một đà nam. Nan nhiệm** (chúng tử) **hệ ma hạ ma hạ** (sự to lớn trong cái to lớn. Bảo Xứ như báu sinh ở trong biển lớn, từ tâm ấy sinh ra nên là Bảo Xứ) **sa-phộc hạ”**

ॐ ॒ सु ॑ म म ॒ म म ॒ व ॒ व ॒ न ॒ म ॒ न ॒ न ॒ न ॒ (ॐ ॒ म ॒ म ॒ म ॒ म ॒ म ॒ न ॒)

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ DAM JAM_ HE MAHĀ MAHĀ_ SVĀHĀ

Bảo Thủ Bồ Tát Chân Ngôn là: [La Đất-Năng Bá Nê (Ratna-pāṇi) Báu từ bàn tay xuất ra. Nói Thánh Giả từ báu mà sinh. Từ báu nào mà sinh? Ấy là từ Tâm Bồ Đề mà sinh]

“**Năng mạc tam mạn đa một đà nam. Sam** (chúng tử) **la đất-nộ** (báu) **ốt-bà phộc** (sinh) **sa-phộc hạ”**

ॐ ॒ सु ॑ म म ॒ म म ॒ व ॒ व ॒ न ॒ न ॒ न ॒ न ॒ (ॐ ॒ म ॒ म ॒ म ॒ म ॒ म ॒ न ॒)

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ ṢAM_ RATNA-UDBHAVA_ SVĀHĀ

Tri Địa Bồ Tát Chân Ngôn là (Đà La Nê Đà La Nhiêm: Dharāṇi dharaṇam)

“**Năng mạc tam mạn đa một đà nam. Kiêm** (chúng tử) **đạt la ni** (Đất. Dùng đất hay giữ tất cả vật nên dùng làm tên) **đạt la** (Tri. Chư Phật gánh vác chúng sinh nên gọi là Tri Địa, cũng khiến cho chúng sinh đồng được việc này) **sa-phộc hạ”**

ॐ ॒ सु ॑ म म ॒ म म ॒ व ॒ व ॒ न ॒ न ॒ न ॒ न ॒ (ॐ ॒ म ॒ म ॒ म ॒ म ॒ म ॒ न ॒)

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ NĀM_ DHARĀṆI DHARA_ SVĀHĀ

Bảo Ấn Thủ Bồ Tát Chân Ngôn là (La Đất-Năng Mô Nại-La Hạ Tát Đa: Ratna-mudra-hasta)

“**Năng mạc tam mạn đa một đà nam. Ham** (chúng tử) **la đất-năng** (báu) **nễ lợi nhĩ đa** (Sinh. Sinh báu của chư Phật) **sa-phộc hạ”**

ॐ ॒ सु ॑ म म ॒ म म ॒ व ॒ व ॒ न ॒ न ॒ न ॒ न ॒ (ॐ ॒ म ॒ म ॒ म ॒ म ॒ म ॒ न ॒)

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ PHAM_ RATNA NIRJATA_ SVĀHĀ

Kiên Cố Ý Bồ Tát Chân Ngôn là (Niết-Lý Đồ Địa Dã Xả Dã: Dṛḍha-dhyāśāya)

“**Năng mặc tấm mạn đa một đà nam. Noãn** (chúng tử) **phộc nhật-la tam bà phộc** (từ Trí An Kim Cương Bất Hoại mà sinh nên dùng làm tên gọi) **sa-phộc hạ”**

ॐ मम मम मम व व व व व व व व व व व व व व

*)**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ NĀM_ VAJRA SAMBHAVĀ_ SVĀHĀ**

Phương Tây, Hư Không Tạng

Cần Dững mặc áo trắng
Đàn tròn trắng đẹp ý
Tòa hoa sen trắng lớn
Cầm Ấn Đại Tuệ Dao
Mũi nhọn bèn như vậy
Bén nhọn như băng sương
Trụ cảnh giới thanh tịnh
Ngay Chúng Tử làm chúng (Giống loại)

Bậc Trí ! Tôn Bắc (Phía Bắc của Tôn) bày

Đàn Ba La Mật Bồ Tát
Giới Ba La Mật Bồ Tát
Nhẫn Ba La Mật Bồ Tát
Tinh Tiến Ba La Mật Bồ Tát
Thiền Ba La Mật Bồ Tát
Bát Nhã Ba La Mật Bồ Tát
Phương Tiện Ba La Mật Bồ Tát
Nguyện Ba La Mật Bồ Tát
Lực Ba La Mật Bồ Tát
Trí Ba La Mật Bồ Tát

Tiếp bày **Kim Cương Tạng Bồ Tát**
Tô Tát Địa Yết La Bồ Tát
Kim Cương Châm Bồ Tát
Tô Bà Hồ Bồ Tát
Vô Cầu Thệ Bồ Tát
Cộng Phát Ý Chuyển Pháp Luân
Sinh Niệm Xứ Bồ Tát
Phần Nộ Câu Quán Tự Tại Bồ Tát
Bất Không Câu Quán Tự Tại Bồ Tát
Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát

Tiếp Mạn Đà La Bồ Tát
Kim Cương Minh Vương Bồ Tát
Kim Cương Tướng Bồ Tát
Quân Trà Lợi Bồ Tát
Bất Không Kim Cương Bồ Tát
Bất Không Cúng Đường Bảo Bồ Tát
Khổng Tước Minh Vương Bồ Tát
Nhất Kế La Sát Vương Bồ Tát
Thập Nhất Diện Quán Thế Âm Bồ Tát

An Hình như Giáo Pháp
Tôn Mật đồng Từ Thị
Không (ngón cái) giữ lỏng giữa Thủy (ngón vô danh)

Tiếp **Hư Không Vô Cầu**
Hai tay: Tuệ Đạo An



Hư Không Tuệ: Pháp Luân



Liên Hoa Ân: hoa sen

Thanh Tĩnh Tuệ: Thương Khư



Hành Tuệ: Hoa sen nở



An Trụ Tuệ Bồ Tát
Ấn Đa La hơi mở



Xuất Hiện Trí (Đoạn này, bản xưa bị thất lạc)
Chấp Xứ Ngũ Cỗ Ấn

Ngũ Hữ (tay phải) Hỏa (ngón giữa) giữ Không (ngón cái)
[ND: Đây là Đàn Ba La Mật Ấn]



Nội Phộc, dựng hai Không (2 ngón cái)
[ND: Đây là Giới Ba La Mật Ấn]



Ấn trước, Phong (ngón trỏ) như phượng
[ND: Đây là Nhân Nhục Ba La Mật Ấn]



Tinh Tiến, Phong (ngón trỏ) duỗi bung
[ND: Đây là Tinh Tiến Ba La Mật Ấn]



Thiên, ngũ Hữ (tay phải) an tả (tay trái)
[ND: Đây là Thiên Ba La Mật Ấn]



Bát Nhã tức Phạm Giáp
[ND:Đây là Bát Nhã Ba La Mật Ẩn]



Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh) thêm Không Luân (ngón cái)
Dụng Hỏa (ngón giữa) hợp cạnh Phong (ngón trỏ)
[ND:Đây là Phương Tiện Ba La Mật Ẩn]



Dụng Hữu (Tay phải) Thí Vô Úy
[ND:Đây là Nguyên Ba La Mật Ẩn]



Lục, mật đồng với Giới
Luân Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ) hợp nhau
[ND:Đây là Lục Ba La Mật Ẩn]



Ngoại Phộc giao Địa Luân (ngón út)
Phong (ngón trỏ) tròn, Hỏa Luân (ngón giữa) phương
[ND:Đây là Trí Ba La Mật Ẩn]



Hư Không Tạng Bồ Tát Trụ Thanh Tịnh Cảnh Giới (hay biết Tâm của mình vốn có tính thanh tịnh, trống rỗng chứa mọi hình sắc, tùy hình lợi quần sinh) **Tam Muội Chân Ngôn** là:

“**Năng mặc tấm mạn đa một đà nam. Y, a ca xa** (hư không) **tam mạn đa** (Đẳng, nhóm . Tất cả nhóm Pháp ở hư không) **nỗ nghịet đa** (Đắc, được.Trước đã nói là nghĩa: **Biết**, nghĩa là **Khởi**. Trong đây nói là:nghĩa **Được** cũng tương hội vậy) **vĩ chất đất-lam** (mọi loại tạp sắc) **phộc la** (nghĩa là y theo) **đạt la** (mặc, khoác. Khoác mọi loại áo như hư không mà không có màu sắc, hay hiện mọi loại hình. Bồ Tát này cũng vậy hay mãn mọi nguyện của chúng sinh, hiện mọi loại hình lợi ích cho Hữu Tình vậy) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ I _ ĀKĀŚA SAMANTA ANUGATA VICITRĀM VARA DHARA_ SVĀHĀ

Hư Không Vô Cấu Bồ Tát Chân Ngôn là: [Tiếng Phạn:Nga Nga Năng Ma La (Gaganāmala)]

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Hám** (chúng tử) **nga nga năng** (hư không) **a nan đa** (vô lượng) **ngộ giả la** (Hạnh. Vô lượng Hạnh đồng với hư không) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HAM_ GAGANA ANANTA GOCARA_ SVĀHĀ

Hư Không Tuệ Bồ Tát Chân Ngôn là (Nga Nga Năng Ma Đé: Gagana-mati)

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Lãng** (chúng tử) **chước cật-la** (Pháp Luân) **phộc lợi đê** (Chuyển, nói Thánh Giả trước tiên được Pháp Luân đó, nay vì tất cả Hữu Tình chuyển Pháp Luân này) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ RIM_ CAKRA-VARTTI_ SVĀHĀ

Liên Hoa Ấn Bồ Tát Chân Ngôn là:

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam.Câu phộc lệ dã, sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ KUVALAYA_ SVĀHĀ

Thanh Tĩnh Tuệ Bồ Tát Chân Ngôn là (Vĩ Thú Đà Ma Đé: Visuddha-mati)

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Nghiệt đan** (chúng tử có hai chữ) **đạt ma** (Pháp) **tam bà phộc** (Sinh, nói Bồ Tát này được Pháp tự tại đồng với Cảnh Giới của Phật, từ Phật mà sinh cho nên có tên là Pháp Sinh) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ GATAM_ DHARMA SAMBHAVA_ SVĀHĀ

Hành Tuệ Bồ Tát Chân Ngôn là: (Tiếng Phạn là: Tả Lý Đất La Ma Đé: Jaritvara-mati)

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Địa lam** (chúng tử có hai chữ) **bát nạp-ma** (hoa sen) **a la dã** (Tạng. Tức là Tâm Bồ Đề từ Tạng ấy mà sinh) **sa-phộc hạ**”

नमोऽस्तुते समन्तबुद्धानाम् धिराम् पद्मालयाः

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ DHIRAM_ PADMA ALAYA_ SVĀHĀ

An Trụ Tuệ Bồ Tát Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mạn đà một đà nam. Hồng, nương (Trí) nỗ nạp bà-phộc (Sinh) sa-phộc hạ”

नमोऽस्तुते समन्तबुद्धानाम् हुम् ज्ञाना उद्भवाः

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HŪM _ JÑĀNA UDBHAVA _ SVĀHĀ

Xuất Hiện Trí Bồ Tát Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mạn đà một đà nam. Nhĩ (chủng tử) phộc nhật-la tất-thể la một đệ , bố la-phộc phộc đát-ma mấn đát-la sa la, sa-phộc hạ”

नमोऽस्तुते समन्तबुद्धानाम् जि वाज्रा स्थिरा बुद्धे पूर्वारात्मा मन्त्रा साराः

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ JI _ VAJRA STHIRA BUDDHE PŪRVARA ATMA MANTRA SARA _ SVĀHĀ

Chấp Liên Hoa Xử (cầm chày hoa sen) Bồ Tát Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mạn đà một đà nam. Phộc nhật-la ca la, sa-phộc hạ”

नमोऽस्तुते समन्तबुद्धानाम् वाज्राकाराः

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VAJRA KĀRA _ SVĀHĀ

Đàn Ba La Mật Bồ Tát Chân Ngôn là:

“Án, bà nga phộc để ná năng địa bả đế, vĩ sa-lật nhạ, bố la đã ná nan (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमोऽस्तुते भगवते दानाधिपति विरजा पुरया दानाम्

*)OM_ BHAGAVATE DĀNA-ADHIPATI VISRJA PŪRAYA DĀNAM_ SVĀHĀ

Giới Ba La Mật Bồ Tát Chân Ngôn là:

“Án, thí la đà lý nê, bà nga phộc để, hồng, hác”

ॐ श्रीलक्ष्मी नमोऽस्तुते हुम् हः

*)OM_ ŚĪLA DHĀRIṆI BHAGAVATE HŪM HAḤ

Nhẫn Ba La Mật Bồ Tát Chân Ngôn là:

“Án, bà nga phộc để, khát-sạn để đà lý nê, hồng phát tra”

ॐ नमोऽस्तुते क्षन्ति धारिणी हुम् फाट

*)OM_ BHAGAVATE KṢĀNTI DHĀRIṆI HŪM PHAṬ

Tinh Tiên Ba La Mật Bồ Tát Chân Ngôn là:

“Án, vĩ lý-dã ca lý hồng , vĩ lý-duệ, vĩ lý-duệ, sa-phộc hạ”

ॐ वीर्या करि हुम् वीर्ये वीर्ये

.)OM_ VĪRYA KĀRI HŪM_ VĪRYE VĪRYE _ SVĀHĀ

Thiền Ba La Mật Bồ Tát Chân Ngôn là:

“ÁN, bà nga phộc đế, tát phộc bá bả hạ lý nê, ma hạ nại đế-duệ, hồng hồng hồng, phát tra, sa phộc hạ”

ॐ न ग व ग ग श ह प प न (ॐ य म न न न हं हं हं न हं

*)OM_ BHAGAVATE - SARVA PĀPĀHĀRIṆIYE - MAHĀ-DETYE - HŪṀ HŪṀ HŪṀ PHAT

_Bát Nhã Ba La Mật Bồ Tát Chân Ngôn là:

“ÁN, địa, thất-lý, thâu-lỗ đa, vĩ nhạ duệ, sa-phộc hạ”

ॐ वीः श्री ह्रीं (व न य ह्रं न

*)OM_ DHĪH ŚRĪ ŚRŪTA VIJAYE _ SVĀHĀ

_Phương Tiện Ba La Mật Bồ Tát Chân Ngôn là:

“ÁN, ma hạ mỗi đất-la tức đế, sa-phộc hạ”

ॐ म न म य व न ह्रं न

*)OM_ MAHĀ-MAITRA-CITTE - SVĀHĀ

_Nguyễn Ba La Mật Bồ Tát Chân Ngôn là:

“ÁN, ca lỗ nê ca lỗ nê, hạ hạ hạ tầm”

ॐ न (ॐ न न न न

*)OM_ KĀRUṆI KĀRUṆI- HA HA HA - SAM

_Lực Ba La Mật Bồ Tát Chân Ngôn là:

“ÁN, ná ma ninh mẫu nễ đế hồng, hạ hạ hạ hồng nhược”

ॐ न (ॐ न न न न न

*)OM_ DAMANI MUDITE HŪṀ HA HA HA HŪṀ JAH

_Trí Ba La Mật Bồ Tát Chân Ngôn là:

“ÁN, ma ma chỉ nhượng năng ca lý hồng, sa-phộc hạ”

ॐ म म न न (ॐ ह्रं न

*)OM_ MAMA JÑĀNA KĀRI HŪṀ - SVĀHĀ

_Lại nữa Bí Mật Chủ!

Nay nói Đàn thứ hai
Đẳng Chính, tướng bốn phương
Án Kim Cương vây quanh
Tất cả màu vàng đẹp
Trong Tâm nở hoa sen
Đài hiện Ca La Xa
Ánh sáng như trăng trong
Cũng dùng điềm Đại Không
Giáp vòng tự trang nghiêm
Trên bày Ân Đại Phong
Phơi phới như Mây huyền
Lay động tướng phan phượng
Điềm không làm tiêu biểu
Bên trên sinh lửa mạnh
Giống như lửa Kiếp Tai
Mà làm hình Tam Giác

Tam Giác dùng làm vây
Tia sáng vòng quanh khắp
Màu mặt trời sáng sớm
Giữa đây, hoa sen hồng (Padma)
Đỏ thắm giống hoa kiêu
Lưu tán phát ánh lửa
Trì dùng tiếng **chữ Hồng** (HŪM)
Chữ chung tử thắng diệu
Phật xưa nói điều đó
Cần Dũng Mạn Đồ La
Phần Nộ Kim Cương Chúng

Tiếp Đông, thứ nhất bày
Phát Sinh Kim Cương Bộ Bồ Tát
Kim Cương Câu Bồ Tát
Thủ Trì Kim Cương Bồ Tát
Kim Cương Tát Đỏa Bồ Tát
Kim Cương Phong Bồ Tát
Kim Cương Quyền Bồ Tát
Phần Nộ Nguyệt Yểm Bồ Tát

Thứ hai **Hư Không Vô Cấu Trì Kim Cương Bồ Tát**
Kim Cương Lao Trì Bồ Tát
Phần Nộ Trì Kim Cương Bồ Tát
Hư Không Vô Biên Siêu Việt Bồ Tát
Kim Cương Tỏa Bồ Tát
Kim Cương Trì Bồ Tát
Trụ Vô Hý Luận Bồ Tát

Thứ ba, tiếp **Kim Cương Trì Luân Bồ Tát**
Kim Cương Nhuệ Bồ Tát
Thích Duyệt Trì Kim Cương Bồ Tát
Kim Cương Nha Bồ Tát
Ly Hý Luận Bồ Tát
Trì Diệu Kim Cương Bồ Tát
Trì Kim Cương Lợi Bồ Tát
Sứ Giả Quân Trà Lợi
Với Kim Cương Sứ Giả
Kim Cương Quyền Thuộc Quyền
Kim Cương Sứ Đồng Tử
Kim Cương Vương Bồ Tát

Bộ Mẫu Mang Mãng Kê
Cũng cầm chày Kiên Tuệ (chày Tam Cổ)
Dùng Anh Lạc nghiêm thân



Bỉ hữu (bên phải vị ấy) **Kim Cương Châm**
Chúng Sứ Giả vây quanh
Mím cười cùng chiêm ngưỡng
Độc Cổ, Tuệ bên bên
Nội Quyền duỗi Phong Luân (ngón trỏ)
[Không (ngón cái) vào bên trong]



Tả (bên trái) đặt **Thương Khư La**
Chấp Trì Kim Cương Tỏa
Các **Sư Tự Bộ** câu (đến dự)
Thân ấy màu vàng nhạt
Chày Trí làm tiêu xí
Bốn Luân (4 ngón lay) cài chéo lưng
Xoay chuyển Tuệ (tay phải) thêm Định (tay trái)



Ở dưới **Chấp Kim Cương**
Phần Nộ Hàng Tam Thế
Bậc tối phục Đại Chương
Hiệu là **Nguyệt Yểm Tôn**
Ba mắt, lộ bốn nanh
Màu mây mưa mùa hạ
Tiếng cười A Tra Tra
Báu Kim Cương, Anh Lạc
Nhiếp hộ các chúng sinh
Vô lượng chúng vây quanh
Cho đến trăm ngàn tay
Cầm nắm mọi khí giới
Nhóm Phần Nộ như vậy
Đều trụ trong hoa sen
Dựa Kim Cương Tỏa trước
Mở hai Không (2 ngón cái) giữ Phong (ngón trỏ)



Các Kim Cương Trì Địa

Kim Cương Quyền Nội Phộc (Kèm dựng hai Không (2 ngón cái) hai chỗ gần nhau cùng dựng cao lên tựa như hình Tượng Chùy, hướng bên phải nhìn ngó như giận dữ đánh)



Phần Nội Quân Đồ Lợi

Trong như pha lê biếc
Uy quang như kiếp hỏa
Hách dịch, bồi nhật luân (vàng mặt trời sau lưng)
Cau mày, mặt cười giận
Trên dưới lộ nanh cạo
Ngàn mắt nhìn chẳng nháy
Đầy uy diệu như nhật (mặt trời)
Ngàn tay đều cầm giữ
Các khí tượng Kim Cương
Đầu mào , báu Kim Cương
Rồng đeo, quần da cạo
Ở ngay trong vàng trắng
Ngồi bàn đá Sắt Sắt (phát ra tiếng gió vi vu)

Phần Tấn Câu Ma La

Trụ ở hoa sen xanh
Thân làm màu mây vàng
Tóc màu đỏ rối loạn
Anh Lạc, vòng nghiêm thân
Quần da cạo che háng
Tuệ (tay phải) chà, Định (tay trái) Vô Úy
Vừa trì Chân Ngôn Cú
Miệng tuôn ra Hóa Phật

Tiếp **Ô Sô Sa Ma** (Ucchuṣma)

Làm hình rất giận dữ
Màu đen khởi ánh lửa
Hữu (tay phải) Kiếm, dưới: sợi dây
Bồng với Tam Cổ Xoa
Khí tượng đều rực lửa

Nhóm Kim Cương **Phụng Giáo**

Thượng Thủ nhóm như vậy
Nhiều như mười cõi Phật
Chúng Trì Kim Cương câu (đến dự)

Kim Cương Thủ Bồ Tát Trụ Đại Kim Cương Vô Thắng Tam Muội (Lại không có đảng nhóm nào so sánh được nên có tên là Vô Thắng. Do hiện hiệu biết Thế Kim Cương của chư Phật hay giữ gìn Trí Như Lai nên có tên là Cháp Kim Cương) **Chân Ngôn** là: (Nội Phộc Ngũ Cổ Ấn, Tên gọi là Phộc Nhật La Bả Nê: Vajrapāṇi)

“**Năng mạng tam mạn đa phộc nhật-la noãn.** (Quy mệnh Kim Cương Thủ). **Phộc** (chủng tử) **Chiến noa** (cực ác ở trong cực ác, ấy là hình trạng lạ kỳ bạo ác không có gì vượt hơn cho đến ăn nuốt tất cả Thế Gian khiến không còn dư sót. Chữ **chiến** là tiếng ngăn che, là sinh tử. Bên trên có một điểm là nghĩa Đại Không tức nói sinh tử này đồng với Đại Không. **Noa** là chiến địch, do lia nhóm sinh tử ở Đại Không đó là sự không thể đối địch) **ma hạ lỗ sái noa** (Đại Phần Nộ. Như trên đã nói người không thể địch bởi vì rất phần nộ) **Hồng** (đồng với ba Giải Thoát lúc trước. Dùng Pháp trên khùng bố chúng sinh khiến lia sinh tử được ba Giải Thoát tức là uy mãnh bậc nhất của chư Phật tàn hại tận Thế Gian khiến vào Pháp Giới, quy nơi Giới của Kim Cương)”

ॐ म्म ॐ वज्रं न्म वृ म्म वृ म्म ॐ ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM_ CAṆḌA MAHĀ-ROṢAṆA HŪM

Mang Mãng Kê Chân Ngôn là:

“**Năng mạng tam mạn đa phộc nhật-la noãn. Đát-ly** (chủng tử) **tra, đát-ly tra** (nửa thể của **Tra** là nghĩa Phá Hoại. Do Tam Muội giết vô minh trụ địa, phiền não. Trong đây tiếng **Đa** tức là bình đẳng đồng với Như Như Lý Tam Muội. Lại **tra** là lia ngã mạn, trụ Như Như này thì hết thấy ngã mạn tự nhiên không có. Nói lại là nghĩa tối cực) **nhạ diển đề** (Thắng, ấy là Pháp Như Như Vô Ngã giáng phục tất cả chướng nạn khiến khùng bố mà lại tức là nghĩa Chiến địch) **sa-phộc hạ**”

ॐ म्म ॐ वज्रं न्म वृ म्म वृ म्म ॐ ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM_ TRĪṬA TRĪṬA JAYATI_ SVĀHĀ

Kim Cương Châm Chân Ngôn là:

“**Năng mạng tam mạn đa phộc nhật-la noãn. Tát phộc đạt ma** (tất cả Pháp) **nễ lặt phệ đạt nễ** (Xuyên qua. Dùng cây kim Kim Cương Tuệ quán đạt tất cả Pháp) **phộc nhật-la tố nhĩ** (Cây kim Kim Cương, Trí sắc bén của Kim Cương quán xuyên Pháp Tính) **phộc la nĩ** (Thắng Nguyên. Trước tiên phát Nguyệt đã được nên khiến cho chúng ta đều đạt cội nguồn của các Pháp) **sa-phộc hạ**”

ॐ म्म ॐ वज्रं न्म म्म वृ म्म वृ म्म ॐ ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM_ SARVA DHARMA NIRVEDHANI VAJRA-SUCI VARADE_ SVĀHĀ

Kim Cương Tỏa Chân Ngôn là: [Cũng gọi là **Kim Cương Thương Khur La** (Vajra-saṅkhara), cái khóa của Đại Trí]

“**Năng mạng tam mạn đa phộc nhật-la noãn** (Quy mệnh tất cả Kim Cương. Kim Cương tức là Trí Ấn của chư Phật, tên riêng của Đức Phật) **hồng** (ba Giải Thoát như trước) **mãn đà mãn đà dã** (Cột buộc như tráng sĩ bắt ép người không có sức lực. Lại nói lia hai loại cột trời tức là sự cột buộc của Phiền Não Sở Trí) **mạo tra mạo tra dã** (cột buộc. Bên trên là cột buộc nặng nề khiến cho lao nhọc như cắt đứt cái cỏ ấy khiến cho thân phần bị phá hoại. Khiến phá vỡ hai chướng cũng lại như vậy) **phộc nhật-lỗ na bà phệ** (là Kim Cương sinh. Từ Đại Trí của Kim Cương Giới mà sinh) **tát phộc đát-la** (Tất cả nơi chôn) **đề hạ đế** (không có gì có thể hại như Thế báu Kim Cương, tất cả không thể gây tổn hại vì do Thức đạt Thế Tính Kim Cương này) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ वृषभवाचसपुत्राय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM _ HŪM BANDHA BANDHAYA_ MOṬA MOṬAYA_ VAJRA UDBHAVE _ SARVATRA APRATIHITE _ SVĀHĀ

Giáng Tam Thê Kim Cương Chân Ngôn là: (cũng nói là **Phần Nộ Nguyệt Yêm**. Kim Cương này tại hào tướng của Phật mà sinh ra. Cũng nói là Hào Tướng sáng trong giống như trăng đầy)

“**Năng mạc tâm mạn đa phộc nhật-la noãn. Hột lâm** (Nhiếp triệu, thỉnh triệu, lia nhân không dơ bản. Bên cạnh có điểm rất phần nộ vậy) **hông** (dựa theo lúc trước) **phán tra** (quát tháo tất cả Ma Chướng) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ ह्रीं क्लृप्तं सुदं ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM _ HRĪM HŪM PHAṬ_ SVĀHĀ

Nhất Thiết Trì Kim Cương Chân Ngôn là: (Ấy là số Kim Cương nhiều như bụi nhỏ của cõi Phật đồng nhập vào Vô Thắng Định. Trong Tâm xuất ra ánh sáng, trong ánh sáng hiển Chân Ngôn này)

“**Năng mạc tâm mạn đa phộc nhật-la noãn. Hồng** (chúng tử) **hông hông, phán tra, phán tra** (Ha là chướng, lập lại Ha là hai chướng) **nhiêm nhiêm** (sinh) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ ह्रीं क्लृप्तं क्लृप्तं क्लृप्तं सुदं ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM _ HŪM HŪM HŪM PHAṬ PHAṬ_ JAM JAM SVĀHĀ

Kim Cương Quyền Chân Ngôn là:

“**Năng mạc tam mạn đa phộc nhật-la noãn. Sa-bô tra dã** (đánh tan, dùng chày Kim Cương Tuệ đâm ba Độc khiến chia tan, phá hoại) **phộc nhật-la tam bà phệ** (Sinh, từ Kim Cương sinh) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ क्लृप्तं क्लृप्तं क्लृप्तं सुदं ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM _ SPHAṬAYA VAJRA SAMBHAVE_ SVĀHĀ

Nhất Thiết Phụng Giáo Kim Cương Chân Ngôn là: (tất cả Kim Cương, Bồ Tát, Như Lai. Ba Bộ thông đồng với Sứ Giả này. Ấy là Chân Ngôn này ở ngay bên cạnh Bản Tôn thừa mệnh đi lại, tùy theo việc làm đồng với bậc trên nhập vào Kim Cương Vô Thắng Định)

“**Năng mạc tam mạn đa phộc nhật-la noãn. Hê hê** (chúng tử hô triệu) **khẩn chỉ la tỳ tỳ** (vì sao chẳng mau chóng làm. Vì ràng buộc với nghĩa rắn bảo như người xử phân vì sao chẳng mau làm việc này mà lại để chậm trễ?) **nghi-lý hận-noa, nghi-lý hận-noa** (nghĩa là ăn nuốt. Ăn các phiền não) **khur na khur na** (bốn cái chữ này quý báu y theo Kinh gia thêm) **bát lý bố la dã** (sung mãn, ấy là ràng ăn khiến cho đầy đủ Thắng Nguyệt Kim Cương Tam Muội của người hành) **tát phộc khẩn ca la noãn,sa-phộc bát-la để vĩ nhiên** (Bản Sở lập nguyện) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ ह्रीं क्लृप्तं क्लृप्तं क्लृप्तं सुदं ॥ ॐ ह्रीं क्लृप्तं क्लृप्तं क्लृप्तं सुदं ॥ ॐ ह्रीं क्लृप्तं क्लृप्तं क्लृप्तं सुदं ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM _ HE HE KIMCIRĀYASI GRHṆA GRHṆA _ KHĀDA KHĀDA _ PARIPŪRAYA SARVA KIMKARĀṆA SVĀPRATIJÑĀ SVĀHĀ

Tiếp đến Phương Tây , về
Vô lượng Tri Kim Cương
Các loại Ấn Kim Cương
Hình sắc đều khác biệt
Phóng Viên Tịnh quang (ánh sáng tròn trong) khắp
Vì các chúng sinh nên
Giữa đề **Bát Nhã Tôn**
Bất Động Mạn Đồ La
Phong Luân với Hỏa cầu
Y phương Niết Ly Đề (phương Tây Nam)
Dưới Đại Nhật Như Lai
Bất Động Như Lai Sư
Cầm Dao Tuệ, sợi dây
Tóc rũ xuống vai trái
Nheo một mắt để quán (chân thật quán)
Thân uy nộ rực lửa
An trụ tại bàn đá
Vầng trán dợn như sóng
Thân đồng tử khỏe mạnh
Quang Diễm Hỏa Giới Ấn

Phong Phương (phương Tây Bắc) Tôn Phần Nộ
Ấy là **Thắng Tam Thế**
Lửa uy mãnh vây quanh
Mão báu, cầm Kim Cương (Ngũ Cỏ)
Chẳng nghĩ đến thân mệnh
Chuyên thỉnh cầu, thọ giáo

Bên phải **Bát Nhã** đề
Diễm Mạn Uy Nộ Vương
Ngồi trên con trâu xanh
Cầm mọi loại khí trượng
Đầu lâu làm Anh Lạc
Đầu mào, quần da cạp
Toàn thân hùng hực lửa
Nhìn ngó khắp bốn phương
Như Sư Tử phần tấn
Tiếp hữu (bên phải) **Giáng Tam Thế**

Bất Động Tôn Chân Ngôn là:

“**Năng mạt tát phộc đát đà nghiệt đế tỳ-dược. Tát phộc mục khế tỳ-dược.**
Tát phộc tha, đát-la tra, tán noa, ma hạ lộ sái noa, khiêm khur hứ khur hứ, tát phộc
vĩ cận-nam, hồng đát-la tra, hám hàm”

ॐ ह्रीं क्लीं त्र्यम्बक्यै नमः ॐ ह्रीं क्लीं त्र्यम्बक्यै नमः ॐ ह्रीं क्लीं त्र्यम्बक्यै नमः

*)NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ_ SARVA MUKHEBHYAḤ_
SARVATHĀ TRĀṬ CAṆḌA MAHĀ-ROṢAṆA KHAṀ KHAHI KHAHI_
SARVA VIGHNA HŪM TRAT_ HĀM MĀM

